UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC
Số:150/BC-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Hà Đông, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Năm học 2024-2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi: Trường Tiểu học Vạn Phúc

2. Địa chỉ: Số 7 ngõ 68 đường Vạn Phúc, phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Email: c1vanphuc-hadong@hanoiedu.vn

Website: https://thvanphuc.edu.vn/

Loại hình: Trường công lập

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

3.1. Sứ mạng: Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao. Xây dựng ngôi trường Hạnh phúc, trường học số.

3.2. Tầm nhìn: Trường là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

3.3. Hệ thống giá trị cơ bản:

- Đoàn kết - Trách nhiệm. - Thân thiện - Kỉ luật.
- Năng động - Sáng tạo
- Khát vọng - Vươn lên

4. Mục tiêu

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Vạn Phúc được thành lập năm 1990 trên cơ sở tách ra từ Trường cấp 1 + 2 Vạn Phúc. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, nhà trường được tổ chức lại và trực thuộc UBND phường Hà Đông theo Quyết định số 38/QĐ-UBND của UBND phường Hà Đông, phù hợp với mô hình chính quyền đô thị hai cấp.

Trải qua 35 năm xây dựng và phát triển, Trường Tiểu học Vạn Phúc không ngừng lớn mạnh, từng bước khẳng định vị thế là một trong những cơ sở giáo dục chất lượng, uy tín của ngành Giáo dục Thủ đô. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường

Scanned with CamScanner

luôn đoàn kết, nỗ lực, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nhiều năm liền, nhà trường được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến; đặc biệt trong năm học 2020–2021, trường vinh dự nhận bằng khen của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tháng 8/2024, đoàn đánh giá ngoài của Thành phố đã tiến hành kiểm định lại chất lượng giáo dục. Kết quả, Trường Tiểu học Vạn Phúc được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, ghi nhận những nỗ lực bền bỉ của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thanh Vân

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0977916286

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Trường Tiểu học Vạn Phúc được tổ chức lại thành trường Tiểu học Vạn Phúc, phường Hà Đông ngày 01/7/2025 theo Quyết định số 38/QĐ-UBND của UBND phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

7.2. Quyết định thành lập hội đồng trường số 1506/QĐ-GDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hà Đông.

Nghị quyết Hội đồng trường ngày 5/9/2025 về Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Danh sách các thành viên của Hội đồng trường:

- Bà Nguyễn Thanh Vân, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng : Chủ tịch Hội đồng
- Bà Lê Hồng Sĩ, Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng : Phó CT Hội đồng
- Bà Nguyễn Thị Lệ Hường, Thư ký Hội đồng : Thư ký
- Bà Đỗ Lan Hương, Tổ trưởng tổ bộ môn : Thành viên
- Bà Đào Thị Ánh, Tổ trưởng chuyên môn tổ 3 : Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Lý, Tổ trưởng chuyên môn tổ 5 : Thành viên
- Bà Phạm Tiến Phong, Bí thư Đoàn Thanh niên : Thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Hiển, PCT UBND P.Hà Đông : Thành viên
- Ông Khương Thị Thanh Thùy, Trưởng ban đại diện CMHS : Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

* Hiệu trưởng: Nguyễn Thanh Vân

Quyết định Bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng theo Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Hà Đông.

* Phó hiệu trưởng: Lê Hồng Sĩ

Scanned with CamScanner

Quyết định bổ nhiệm của Phó hiệu trưởng theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Hà Đông

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Vạn Phúc hoạt động theo cơ chế nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động toàn phần; Thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Scanned with CamScanner

Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG TIỂU HỌC

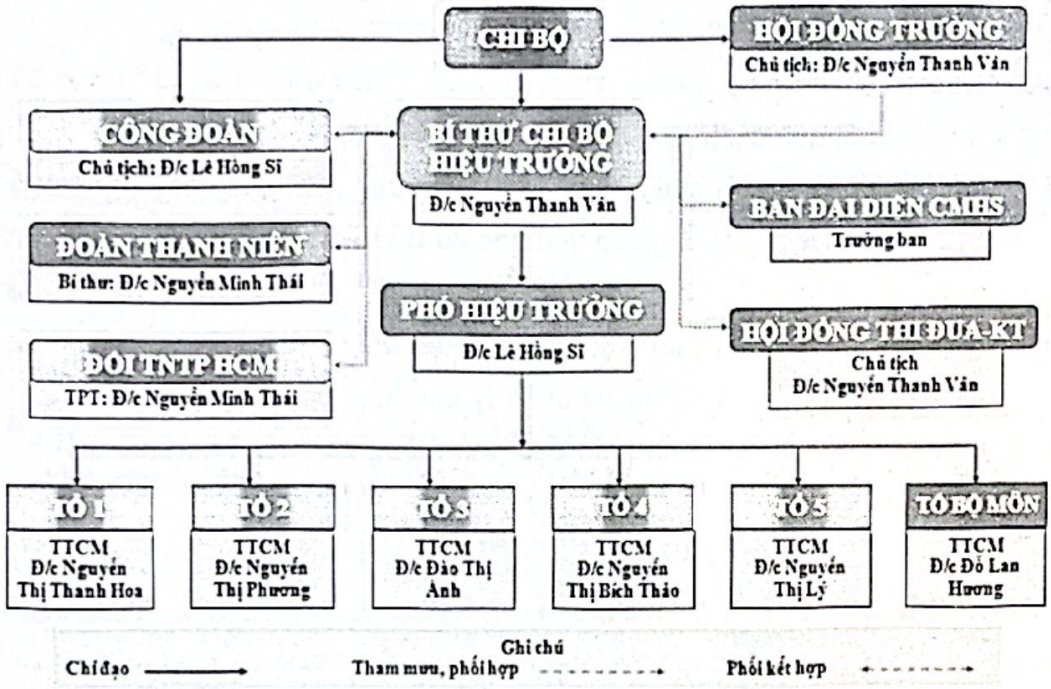

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch số 14/KH-THVP ngày 10/01/2025 về kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 được Phòng GDĐT quận Hà Đông phê duyệt.

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 413/QCLV-THVP ngày 17/10/2025 của Trường Tiểu học Vạn Phúc về Quyết định ban hành Quy chế làm việc của nhà trường;

Quyết định số 292/QĐ- THVP ngày 29/8/2025 Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Tiểu học Vạn Phúc năm học 2025-2026; Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường;...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên		**48**		**2**	46				**1**	**16**	**25**	**9**	**39**	**0**	
I	**Giáo viên**	40		0	40				1	15	24	7	33		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					1	2	1	2		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	2			2					1	1		2		
5	Mỹ thuật	2			2					1	1		2		
6	Thể dục	2			2					2			2		
7	TPT Đội	1			1						1		1		
8.	GV tiểu học	29			29					10	19	5	24		
II	**Cán bộ quản lý**	**2**		**2**							**1**	**2**			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1						1		1			
III	**Nhân viên**	**6**			**1**										
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, phục vụ	2			2										

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m^2)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m^2/01 học sinh)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m^2/01 học sinh)
I	**Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m^2)**	9.999m^2			
II	**Số điểm trường**	1		-	-
III	**Tổng số phòng, hạng mục**			-	-
1	**Khối phòng hành chính quản trị**			-	-
a	Phòng Hiệu trưởng	1/56m^2		-	-
b	Phòng Phó Hiệu trưởng	1/20m2		-	-
c	Phòng họp	1/56m^2			
d	Văn phòng	1/56m^2			
e	Phòng bảo vệ	1/20m^2			
2	**Khối phòng học tập**			-	-
a	Số phòng học/số lớp	28/28		-	-
b	Loại phòng học			-	-
	Phòng học kiên cố	32/1792m^2		1,4m^2/học sinh	1,35m^2/học sinh
	Phòng học bán kiên cố			-	-
	Phòng học tạm			-	-
	Phòng học nhờ, mượn			-	-
3	**Khối phòng hỗ trợ học tập**			-	-
a	Phòng thư viện	1/56m^2		-	-
b	Phòng thiết bị	1/56m^2		-	-
c	Phòng Đội, P. truyền thống	1/76m^2			

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m^2)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m^2/01 học sinh)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m^2/01 học sinh)
d	Phòng tư vấn HĐ	1/56m^2			
4	**Khối phụ trợ**			-	-
a	Phòng họp	1/56m^2		-	-
b	Phòng y tế	1/56m^2		-	-
c	Kho sách	1/30m^2			
5	**Khu sân chơi**	2/5000m^2		3,9m^2/học sinh	3m^2/hoc sinh
...	Nhà đa năng	1/400m^2		-	-
6	**Khối phục vụ sinh hoạt**			-	-
a				-	-
7	**Hạ tầng kỹ thuật**			-	-
a	...			-	-
IV	**Tổng số thiết bị dạy hiện có** (*Đơn vị tính: bộ*)			Số lượng	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện có				
1.1	Khối lớp 1			40 đồ dùng	7
1.2	Khối lớp 2			42 đồ dùng	7
1.3	Khối lớp 3			50 đồ dùng	10
1.4	Khối lớp 4			48 đồ dùng	10
1.5	Khối lớp 5			45 đồ dùng	8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp ...				
2.2	Khối lớp ...				
2.3	Khối lớp ...				
...	...				
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (*Đơn vị tính: bộ*)			25	Số học sinh /bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**				Số thiết bị/lớp
1	Ti vi			29	1
2	Cát xét				
3	Đầu Video/đầu đĩa				
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			5	
5	Thiết bị khác...				
	.....				

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	350

XI	Nhà ăn	900

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1568	1100	1,4m^2
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
XX	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		
1	Lớp 1		
	Tiếng Việt 1 (Tập 1)	NXBGD Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên). Lê Thị lam Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan.
	Tiếng Việt 1 (Tập 2)	NXBGD Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên). Vũ Kim Bằng,Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.
	Toán 1 (Tập 1)	NXBGD Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hà, Bùi Bá Mạnh.
	Toán 1 (Tập 2)	NXBGD Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hà, Bùi Bá Mạnh.
	Đạo Đức 1	NXBGD Việt Nam	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
	Tự Nhiên Xã Hội 1	NXBGD Việt Nam	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh
	Giáo Dục Thể Chất 1	NXBGD Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.
	Âm Nhạc 1	NXBGD Việt Nam	Đỗ Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Mai linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.
	Hoạt Động Trải Nghiệm1	NXBGD Việt Nam	Bùi Sĩ Tụng (Tổng chủ biên),, Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.
	Mĩ thuật 1	NXBGD Việt Nam	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng chủ biên)
2	**Lớp 2**		
	Tiếng Việt, lớp 2 (tập 1,2)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng,Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
	Toán, lớp 2 (tập 1,2)	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên),
	Đạo đức, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thành Nam (Chủ biên)
	Tự nhiên xã hội, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Thấn(Chủ biên)
	Âm nhạc, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Chủ biên)
	Mĩ thuật, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên)
	Giáo dục thể chất, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Thơ (Chủ biên)
	Hoạt động trải nghiệm, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên)
3	**Lớp 3**		
	Tiếng Việt 3 (tập một)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng
	Tiếng Việt 3 (tập hai)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng
	Toán 3 (tập một)	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái
	Toán 3 (tập hai)	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
	Tự nhiên và xã hội 3	Giáo dục Việt Nam	Vũ văn Hùng
	Đạo đức 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Toan
	Âm nhạc 3	Giáo dục Việt Nam	Hoàng Long
	Mĩ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên)
	Công nghệ 3	Giáo dục Việt Nam	Lê Huy Hoàng
	Tin học 3	Đại học Vinh	Lê Khắc Thành (Chủ biên)
	Hoạt động trải nghiệm 3	Giáo dục Việt Nam	Lưu Thu Thủy
	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết
	Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Đại học Sư phạm	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên)
4	**Lớp 4**		
	Tiếng Việt 4 (Tập 1)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên) Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan
	Tiếng Việt 4 (Tập 2)		Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên) Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm
	Toán 4	Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên) Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
	Đạo đức 4	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
	Lịch sử và Địa lí 4	Giáo dục Việt Nam	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí)
	Khoa học 4	Giáo dục Việt Nam	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
	Tin học 4	Đại học Vinh	Lê Khắc Thành (Chủ biên)
	Công nghệ 4	Giáo dục Việt Nam	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo
	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh,Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm
	Âm nhạc 4	Giáo dục Việt Nam	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Nga, Nguyễn Thị Nga
	Mĩ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận
	Hoạt động trải nghiệm 4	Giáo dục Việt Nam	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Hương Liên, Nguyễn Thị Tố Oanh
	Tiếng Anh 4 (Wonderful World)	Đại học Sư phạm	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên)
5	**Lớp 5**		
	Tiếng Việt 5 (Tập 1)	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng
	Tiếng Việt 5 (Tập 2)		Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim
XXI	**Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**		
1	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Minh Ngọc
2	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
			Hào Tâm
3	Vở bài tập Toán , tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
4	Vở bài tập Toán 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên),Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường
5	An toàn giao thông cho học sinh tiểu học lớp 1	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Tập viết lớp 1,tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
8	Tập viết lớp 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
9	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	NXBĐHQG Hà Nội	Lưu Thị Kim Nhung (chủ biên) Đỗ Thị Phi Nga
10	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
11	An toàn giao thông cho học sinh tiểu học lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Tập viết lớp 2 tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng Phạm Kim Chung
13	Tập viết lớp 2 tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng Phạm Kim Chung
14	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
15	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	NXBĐHQG Hà Nội	Lưu Thị Kim Nhung (chủ biên) Đỗ Thị Phi Nga
16	An toàn giao thông cho học sinh lớp 3	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	Tập viết lớp 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
18	Tập viết lớp 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
19	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 3	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
20	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 4	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền
21	An toàn giao thông cho học sinh lớp 4	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo
22	Kỹ năng phòng cháy và chữa cháy cho học sinh Tiểu học, lớp 5	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Thanh Huyền

Scanned with CamScanner

	Tên sách/xuất bản phẩm	Nhà xuất bản	Tác giả
23	An toàn giao thông cho học sinh lớp 5	Giáo dục Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Hàng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trong những năm học qua, nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lí đúng quy định. Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên của nhà trường về cơ bản có đủ số lượng (tính cả hợp đồng), trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn cao đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đáp ứng về yêu cầu nhiệm vụ công tác và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo về chất lượng giáo dục học sinh hàng năm. Học sinh của nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi, luôn có ý thức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định của học sinh, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với Ban đại diện CMHS, vận động nhiều nguồn kinh phí khác nhau để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Nhờ thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, nhà trường đã tạo được mối quan hệ bền vững giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Bên cạnh việc thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong đó chú trọng hoạt động dạy - học và rèn luyện năng lực, phẩm chất, nhà trường còn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh nên hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Tuy nhiên, nhà trường cũng còn một số hạn chế nhất định, tình hình cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sự phát triển đi lên của ngành giáo dục nói riêng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất là ở lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, việc soạn giảng giáo án điện tử chưa thường xuyên, đồng đều ở tất cả các môn học.

Nhà trường đã mô tả đúng thực trạng, phân tích những ưu điểm, khuyết điểm, đưa ra kế hoạch cải tiến trong thời gian đến. Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường tự đánh giá:

1. Mức 1: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
2. Mức 2: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%

Scanned with CamScanner

3. Mức 3: Đạt 16/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 84,2%; Không đạt: 3/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 15,8%

Căn cứ Mục c, Khoản 2, Điều 34; Khoản 2, Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD& ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Với các chỉ số và tiêu chí đạt yêu cầu tự đánh giá như trên trường Tiểu học Vạn Phúc đạt:

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: đạt Mức 2.

Cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường được đoàn đánh giá ngoài của Thành phố công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1.	Kết quả tuyển sinh NH 2024-2025	**266/268**	266/268	0	0	0	0
2.	Số học sinh	**1202**	257	250	237	268	198
3.	Số lớp	**27**	5	6	5	6	5
4.	Sĩ số bình quân	**44,5**	51,4	41,6	47,4	44,6	39,6
5.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	**1202**	257	250	237	268	198
6.	Số học sinh dân tộc	**16**	10	1	2	2	1

Scanned with CamScanner

7.	Số học sinh khuyết tật	**8**	1	4	1	1	1
8.	Số học sinh thuộc diện chính sách	**3**	1	1	1	0	0
9.	Số học sinh chuyển đi	52	4	18	10	11	9
10.	Số học sinh chuyển đến	**31**	4	7	7	10	3

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:
(Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT)

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Kết quả học tập							
1. Tiếng Việt	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*812*	187	153	175	162	135
Hoàn thành		*382*	68	94	61	105	54
Chưa hoàn thành							
2. Toán	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*868*	188	190	175	179	136
Hoàn thành		*326*	67	57	61	88	53
Chưa hoàn thành							
3. Đạo đức	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*909*	190	194	174	191	160
Hoàn thành		*285*	65	53	62	76	29
Chưa hoàn thành							
4. Tự nhiên và Xã hội	*744*	*738*	255	247	236		
Hoàn thành tốt		*508*	177	175	156		
Hoàn thành		*230*	78	72	80		
Chưa hoàn thành							
5. Khoa học	*458*	*456*				267	189
Hoàn thành tốt		*343*				188	155

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Hoàn thành		*113*				79	34
Chưa hoàn thành							
6. LS&ĐL	***458***	***456***				267	189
Hoàn thành tốt		*323*				160	163
Hoàn thành		*133*				107	26
Chưa hoàn thành							
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*591*	129	120	114	134	94
Hoàn thành		*603*	126	127	122	133	95
Chưa hoàn thành							
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*604*	122	125	120	137	100
Hoàn thành		*590*	133	122	116	130	89
Chưa hoàn thành							
9. Hoạt động trải nghiệm	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*796*	177	142	157	173	147
Hoàn thành		*398*	78	105	79	94	42
Chưa hoàn thành							
10. Giáo dục thể chất	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Hoàn thành tốt		*612*	126	125	123	138	100
Hoàn thành		*582*	129	122	113	129	89
Chưa hoàn thành							
11. TH-CN (Công nghệ)	***695***	***692***			236	267	189
Hoàn thành tốt		*500*			168	174	158
Hoàn thành		*192*			68	93	31
Chưa hoàn thành							
12. TH-CN (Tin học)	***695***	***692***			236	267	189
Hoàn thành tốt		*379*			134	142	103
Hoàn thành		*313*			102	125	86
Chưa hoàn thành							
13. Ngoại ngữ	***1202***	***1,183***	250	241	236	267	189
Hoàn thành tốt		*750*	197	154	131	158	110
Hoàn thành		*433*	53	87	105	109	79

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Chưa hoàn thành							
14. Tiếng dân tộc							
Hoàn thành tốt							
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
II. Năng lực cốt lõi							
Năng lực chung							
Tự chủ và tự học	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Tốt		***919***	202	206	162	198	151
Đạt		***275***	53	41	74	69	38
Cần cố gắng							
Giao tiếp và hợp tác	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Tốt		***940***	196	205	175	207	157
Đạt		***254***	59	42	61	60	32
Cần cố gắng							
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Tốt		***807***	151	187	139	178	152
Đạt		***387***	104	60	97	89	37
Cần cố gắng							
Năng lực đặc thù							
Ngôn ngữ	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Tốt		***880***	204	181	165	180	150
Đạt		***314***	51	66	71	87	39
Cần cố gắng							
Tính toán	***1202***	***1,194***	255	247	236	267	189
Tốt		***885***	200	195	163	184	143
Đạt		***309***	55	52	73	83	46
Cần cố gắng							
Tin học	***695***	***692***			236	267	189
Tốt		***454***			139	181	134
Đạt		***238***			97	86	55
Cần cố gắng							

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Công nghệ	*695*	*692*			236	267	189
Tốt		*510*			163	189	158
Đạt		*182*			73	78	31
Cần cố gắng							
Khoa học	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*865*	178	197	137	198	155
Đạt		*329*	77	50	99	69	34
Cần cố gắng							
Thẩm mĩ	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*795*	184	165	122	174	150
Đạt		*399*	71	82	114	93	39
Cần cố gắng							
Thể chất	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*841*	195	178	140	182	146
Đạt		*353*	60	69	96	85	43
Cần cố gắng							
III. Phẩm chất chủ yếu							
Yêu nước	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*1,194*	255	247	236	267	189
Đạt							
Cần cố gắng							
Nhân ái	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*1,178*	253	247	236	253	189
Đạt		*16*	2			14	
Cần cố gắng							
Chăm chỉ	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*964*	210	214	177	200	163
Đạt		*230*	45	33	59	67	26
Cần cố gắng							
Trung thực	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*1,113*	237	236	206	252	182
Đạt		*81*	18	11	30	15	7
Cần cố gắng							

Scanned with CamScanner

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Trách nhiệm	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
Tốt		*988*	209	213	186	207	173
Đạt		*206*	46	34	50	60	16
Cần cố gắng							
IV. Đánh giá KQGD	*1202*	*1,194*	255	247	236	267	189
- Hoàn thành xuất		*367*	81	74	70	81	61
- Hoàn thành tốt		*100*	15	19	27	20	19
- Hoàn thành		*727*	159	154	139	166	109
- Chưa hoàn thành							
V. Khen thưởng		*515*	98	97	107	118	95
- Giấy khen cấp trường		*493*	97	95	102	113	86
- Giấy khen cấp trên		*22*	1	2	5	5	9
VI. HSDT được trợ giảng							
VII. HS.K.Tật		*8*	2	3	1	1	1
VIII. HS bỏ học kỳ II							
+ Hoàn cảnh GĐKK							
+ KK trong học tập							
+ Xa trường, đi lại K.khăn							
+ Thiên tai, dịch bệnh							
+ Nguyên nhân khác							
IX. Chương trình lớp học	1194	1,194	255	247	236	267	189
Hoàn thành	1194	1,194	255	247	236	267	189
Chưa hoàn thành							

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC

Đơn vị triệu đồng

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B		1	2	3
II	**Chi thường xuyên**	**triệu đồng**	**01**	**16.656,80**	**18.024,60**	**18.024,60**

Scanned with CamScanner

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính n-1)	Chi NSNN	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B		1	2	3
2	**Giáo dục Tiểu học**	triệu đồng	02	16.656,80	18.024,60	18.024,60
2.1	Chia theo nguồn:			16.656,80	18.024,60	18.024,60
2.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	03	7.886,80	8.274,60	8.274,60
2.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	04			
2.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	05	8.770,00	9.750,00	9.750,00
2.2	Chia theo nhóm chi:			16.656,80	18.024,60	18.024,60
2.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	06	11.390,30	11.050,00	11.050,00
2.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	07	4.653,40	6.074,60	6.074,60
2.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	08			
2.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	09	613,10	900,00	900,00
6	**Đào tạo khác trong nước**	triệu đồng	10			
6.1	Chia theo nguồn:					
6.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	11			
6.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	12			
6.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	13			
6.2	Chia theo nhóm chi:					
6.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	14			
6.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	15			
6.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	16			
6.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	17			
7	**Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức**	triệu đồng	18			
7.1	Chia theo nguồn:					
7.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	19			
7.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	20			
7.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	21			
7.2	Chia theo nhóm chi:					
7.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	22			
7.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	23			
7.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	24			
7.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	25			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2024-2025

Scanned with CamScanner

Đơn vị đồng

TT	Tên học sinh	HỌC KÌ 1				HỌC KÌ 2				Tổng số tiền cả năm học 2023-2024
		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1.	Phạm Tố Uyên	4	600.000			5	750.000			1.350.000
2.	Phạm Đức Tuấn	4	600.000			5	750.000			1.350.000
	Tổng	**8**	**1.200.000**			**10**	**1.500.000**			**2.700.000**

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chi bộ: Năm 2024: Đã kết nạp chính thức 01 đảng viên mới, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 05 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại "Hoàn thành Tốt nhiệm vụ" theo Thông báo số 198-TB/ĐU ngày 19/12/2023.

2. Công đoàn: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

3. Đội TNTP HCM: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025.

4. Chuyên môn:

4.1. Giáo viên:

- Hội giảng giáo viên giỏi Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam cấp trường (20/11) đạt: 3 giải Nhất, 3 giải Nhì, 3 giải Ba. Tham gia tích cực vào Hội thi GVG cấp Quận với thành tích: 01 giải Nhì (cô giáo: Phạm Tiến Phong), 02 giải Ba (cô giáo: Lương Thị Dung, Mai Thị Thúy).
- Tham gia cuộc thi TDTT dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục quận Hà Đông: đạt 1 Giải Nhất môn Cầu lông. Cấp thành phố đạt giải Nhất môn Cầu lông.

4.2. Học sinh:

- Olympic Tiếng Anh: 01 giải Nhì; 01 giải Ba; 07 giải KK.
- Cuộc thi Vioedu: 01 huy chương Bạc, 05 huy chương Đồng và 17 giải Khuyến khích.
- Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng và các hoạt động văn hóa, văn nghệ Chào mừng ngày 26/3 đạt nhiều giải với nhiều cuộc thi: Kể chuyện chào mừng ngày 26/3, Bóng rổ, Nhảy bao bố, Ô ăn quan, Bước nhảy đoàn kết, Kéo co...

Scanned with CamScanner

- Tổ chức ngày hội đọc sách và công nghệ với nhiều hoạt động: Thiết kế bìa cuốn sách, Thi điều khiển Robot Vex và K-Cbot, tạo Video về chuyển đổi số trong nhà trường, Xếp sách nghệ thuật...

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2025 của Trường Tiểu học Vạn Phúc theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân.

trên địa bàn được biết./

Nơi nhận:
- PGD;
- Đảng ủy phường Hà Đông;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC

Nguyễn Thanh Vân

Scanned with CamScanner